

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/DSST
Ngày 06/3/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tân Sĩ và ông Hồ Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dương – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 05, 06 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2019/TLST–DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng Trương Viết H, sinh năm 1962 và Trần Thị Kim H1, sinh năm 1962; nơi đăng ký thường trú: Khu phố LHD, phường XY, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng Lê Thanh H2, sinh năm 1973 và Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố PL, phường XY, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 trình bày được tóm tắt như sau:* Do chỗ quen biết, vợ chồng Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 có ủy quyền cho vợ chồng Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Sông Cầu số tiền 1.500.000.000đ. Sau khi vay Ngân hàng 1.500.000.000đ thì vợ chồng H, H1 có cho vợ chồng H2, L vay lại số tiền 200.000.000đ, có viết giấy vay tiền ngày 13/6/2018 âm lịch; thời hạn trả nợ là 06 tháng, vợ chồng H2, L phải trả lãi theo mức lãi suất Ngân hàng. Quá 06 tháng,

vợ chồng H2, L không trả nợ theo thỏa thuận nên vợ chồng Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L phải trả số tiền 200.000.000đ và tiền lãi thỏa thuận theo quy định pháp luật.

** Bị đơn là vợ chồng Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L trình bày được tóm tắt như sau:* Vợ chồng Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L thừa nhận có sự việc như vợ chồng Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 trình bày. Sau khi vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sông Cầu thì vợ chồng H, H1 có cho vợ chồng H2, L vay 200.000.000đ và trả lãi theo đúng lãi ngân hàng. Sau khi vay được 03 tháng thì vợ chồng H2, L đã trả hết nợ cho vợ chồng H, H1. Do thấy vợ chồng H, H1 nợ nhiều người, bị xã hội đen bao vây nên vợ chồng H2, L chưa lấy lại giấy vay tiền. Vợ chồng H2, L không đồng ý trả nợ cho vợ chồng H, H1.

Tại phiên tòa:

** Nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 20/7/2018, vợ chồng Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 và vợ chồng Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L có lập giấy cam kết với nội dung: Vợ chồng H, H1 có mượn của vợ chồng H2, L 700.000.000đ. Vì H, H1 mất khả năng trả nợ nên vợ chồng H, H1 mới ủy quyền cho vợ chồng H2, L dùng tài sản của vợ chồng H, H1 vay vốn ngân hàng bằng cách lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 930 do Văn phòng công chứng Sông Cầu lập ngày 20/7/2018 để vợ chồng H2, L thế chấp tài sản này để vay vốn ngân hàng dùng cho vợ chồng H, H1.

Ngày 25/7/2018, vợ chồng H2, L thế chấp nhà, đất của vợ chồng H, H1 vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sông Cầu 1.500.000.000đ. Vợ chồng H2, L trừ số nợ 700.000.000đ; mượn thêm 200.000.000đ (viết giấy mượn tiền ngày 13/6/2018 âm lịch); còn lại 600.000.000đ đưa cho vợ chồng H, H1. Vợ chồng H, H1 phải trả lãi trên nợ gốc 1.300.000.000đ, còn vợ chồng H2, L phải trả lãi trên nợ gốc 200.000.000đ cho ngân hàng theo lãi suất của hợp đồng tín dụng đã vay.

Đến ngày 15/10/2018, vợ chồng H, H1 đã bán nhà, đất nêu trên cho vợ chồng Mai Hoàng Sơn, Nguyễn Thị Nga. Tiền bán nhà 1.500.000.000đ do vợ chồng Sơn, Nga đưa cho vợ chồng H2, L trả nợ ngân hàng nhưng vợ chồng H2, L không trả lại 200.000.000đ đã mượn cho vợ chồng H, H1. Do vợ chồng H2, L còn nợ 200.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 13/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 25/7/2018 dương lịch) nên vợ chồng H, H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng H2, L trả nợ gốc 200.000.000đ và lãi theo mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 16/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Kiểm sát viên phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật của người tiền hàng tố tụng và tham gia tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 đối với Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L, buộc Lê Thanh H2,

Nguyễn Thị L phải trả nợ gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 và tiền lãi trong hạn theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày 16/10/2018 đến ngày 25/01/2019; tiền lãi chậm trả tiền kể từ ngày 26/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/3/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được điều chỉnh bởi Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] TAND thị xã Sông Cầu đã tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và giấy mượn tiền lập ngày 13/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 25/7/2018 dương lịch), giấy cam kết lập ngày 20/7/2018, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Vào ngày 13/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 25/7/2018), vợ chồng Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L có vay của vợ chồng Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 số tiền 200.000.000đ. Thời hạn trả nợ là 06 tháng.

Bị đơn trình bày đã trả số tiền gốc 200.000.000đ cho nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả nợ. Thời hạn vay 06 tháng từ ngày 25/7/2018 đến ngày 25/01/2019 là đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L phải trả tiền nợ gốc 200.000.000đ của hợp đồng vay tài sản lập ngày 25/7/2018 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng các bên thừa nhận việc vay tiền có thỏa thuận lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Sông Cầu theo hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-201801728 ngày 24/7/2018 mà vợ chồng H2, L đã thế chấp tài sản của vợ chồng H, H1 chuyển giao để vay vốn dùm cho vợ chồng H, H1 1.500.000.000đ. Do đó, hợp đồng vay ngày 25/7/2018 là có thỏa thuận lãi, theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng, cụ thể là: Lãi suất trong hạn là 8%/năm, lãi suất quá hạn là 12%/năm. Mức lãi suất thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngày 15/10/2018, vợ chồng H, H1 bán nhà để thanh toán nợ của hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-201801728 ngày 24/7/2018 nhưng vợ chồng H2, L không hoàn trả 200.000.000đ cho vợ chồng H, H1 nên phải trả lãi cho vợ chồng H, H1 theo mức lãi suất trong hạn kể từ ngày 16/10/2018 đến ngày 25/01/2019 là: 200.000.000đ x 8%/năm x 03 tháng 09 ngày = 4.400.000đ.

Kể từ ngày 26/01/2019, vợ chồng H2, L phải trả gốc cho vợ chồng H, H1 nhưng không trả nên phải chịu lãi suất quá hạn từ ngày 26/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/3/2020 là: $200.000.000đ \times 12 \% / năm \times 13 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 26.666.666đ$.

Tổng cộng tiền lãi phải trả đến ngày 06/3/2020 là 31.666.666đ.

[5] Về án phí: Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị còn phải thi hành tương ứng số tiền: $(231.666.666đ \times 5\%) = 11.553.000đ$. Hoàn trả cho Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ có tại biên lai thu tiền số 0006969 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều 463, 466, 468, 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 đối với Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L:

Buộc Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L phải thanh toán trả cho Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 số tiền còn nợ của Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi ngày 25/7/2018 số tiền gốc: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); tiền lãi tính đến ngày 06/3/2020 là 31.666.666đ (ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

[2] Kể từ ngày 07/3/2020 cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông bà Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Lê Thanh H2, Nguyễn Thị L phải nộp 11.553.000đ (mười một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Trương Viết H, Trần Thị Kim H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng) có tại biên lai thu tiền số 0006969 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tx. Sông Cầu;
- Chi cục thi hành án Tx. Sông Cầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thơ Hiền